

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 31/2022/HS-ST  
Ngày 13-4-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Xuân Tĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Bà Nguyễn Thị Loan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022; thông báo chuyển ngày xét xử số 10/TB-TA ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nghiêm Thị T**, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1974 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 04/18 đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Số 14A/4 đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Văn X, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1950; có 03 chồng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 (đã chết), ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1970 (đã ly hôn), ông Hoàng Mạnh C, sinh năm 1975 (đã chết); con có 03 người, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01-12-2021; tạm giam từ ngày 04-12-2021 đến nay. Có mặt.

***- Người làm chứng:*** Bà Nghiêm Minh H, có mặt.

***- Người chứng kiến:*** Ông Vi Văn T và chị Nguyễn Quỳnh A, đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ ngày 01-12-2021, Công an thành phố Lạng Sơn tiến hành kiểm tra hành chính tại số nhà 14A/4 đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn của Nghiêm Thị T, qua kiểm tra Nghiêm Thị T tự khai nhận bản thân sử dụng ma túy và hiện đang cất giấu ma túy ở khe cửa phòng bếp. Công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp phát hiện và thu giữ ma túy tại khe cửa phòng bếp được 01 túi nilon màu đen bên trong có 02 túi nilon màu trắng, mỗi túi chứa 02 viên nén màu hồng và chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 03 viên nén màu hồng; 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Ngoài ra còn thu giữ của bị cáo 01 gói nilon màu đen; 50 túi nilon màu trắng chưa sử dụng; 10.000.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO màu đỏ lắp 02 sim, 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh đen lắp 01 sim; 01 căn cước công dân tên Nghiêm Thị T.

Tại cơ quan điều tra Nghiêm Thị T khai nhận bản thân nghiện ma túy, khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30-11-2021 mua với người thanh niên tên H (không rõ tên, tuổi địa chỉ) tại khu vực cổng chợ Đêm, đường T, phường H được 7 viên nén màu hồng và một ít chất tinh thể màu trắng với giá 1.200.000 đồng, mục đích cất giấu tại nhà để sử dụng cho bản thân, đến sáng ngày 01-12-2021 bị công an kiểm tra bắt giữ.

Tại Kết luận giám định số 11/KL-PC09 ngày 02-12-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất tinh thể màu trắng và 07 viên nén màu hồng gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng là 1,496 gam (đã trừ bì).

Tại Kết luận giám định số 32/KLGD-PC09 ngày 13-12-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng Việt Nam trong phong bì niêm phong gửi giám định là tiền thật.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKS-MT, ngày 22-02-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nghiêm Thị T để xét xử về tội Tàng trữ phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên lời khai đã trình bày tại Cơ quan Điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Người chứng kiến ông Vi Văn T và chị Nguyễn Quỳnh A, đều vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng tại biên bản sự việc, biên bản khám xét và lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện được chứng kiến công an lập biên bản thu giữ ma túy và các vật dụng khác như nội dung truy tố. Đối với bà Nghiêm Minh H là người làm chứng có mặt tại phiên tòa, căn cứ lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thể hiện, bà Nghiêm Minh H là em gái ruột bị cáo Nghiêm Thị T, trước khi Nghiêm Thị T bị bắt về tàng trữ ma túy, bà làm chứng xác nhận số tiền

10.000.000 đồng công an thu của bị cáo Nghiêm Thị T là bà cho Nghiêm Thị T mượn để đóng học phí cho con gái là cháu Nguyễn Quỳnh A, nay chưa trả, vì là chị em ruột nên khi cho mượn không có giấy tờ, không hẹn ngày trả. Nay bà Nghiêm Minh H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo Nghiêm Thị T.

Về vật chứng của vụ án: Hiện còn thu và đang gửi giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn: 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật ma túy sau giám định; 01 gói nilon màu đen kích thước 10cmx20cm; 50 túi nilon màu trắng kích thước 05cmx09cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, bên trong lắp sim số thuê bao 0346.179.323; và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong lắp 2 sim thuê bao 0789.388.687 và số 0349.672.074; 01 căn cước công dân mang tên Nghiêm Thị T; 01 phong bì niêm phong bên trong có 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị được xin lại số tiền và 2 chiếc điện thoại di động và căn cước công dân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội. Căn cứ lời khai nhận tội và các tài liệu chứng cứ làm rõ tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định Nghiêm Thị T đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Nghiêm Thị T từ 20 tháng - 22 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ 01-12-2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và các loại túi nilon thu giữ. Trả lại cho bị cáo 10.000.000 đồng, 02 chiếc điện thoại di động và 01 căn cước công dân mang tên Nghiêm Thị T; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa người chứng kiến ông Vi Văn T, chị Nguyễn Quỳnh A vắng mặt không rõ lý do nhưng đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra. Sự vắng mặt của người chứng kiến không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người chứng kiến.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc

khieu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện, các tài liệu chứng cứ đã thu thập đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nghiêm Thị T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với kết luận giám định chất ma túy và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 01-12-2021, tại nhà ở của Nghiêm Thị T số 14A/4 đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, cơ quan điều tra công an thành phố Lạng Sơn khám xét thu giữ của Nghiêm Thị T 1,496 gam ma túy Methamphetamine, mục đích tàng trữ để sử dụng. Căn cứ vào Kết luận giám định số 11/KL-PC09 ngày 02-12-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nghiêm Thị T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ tác hại của ma túy ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; khi kiểm tra hành chính bị cáo đầu thú khai giấu ma túy tại khe cửa phòng bếp để công an thu giữ. Do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu; hoàn cảnh gia đình bị cáo có 3 đời chồng, nhưng 2 người đã chết, còn 1 người đã ly hôn. Hiện mắc bệnh xã hội HIV theo bệnh án ngoại trú của bị cáo và kết quả xét nghiệm HIV từ ngày 01-10-2018 của Bệnh viện nhiệt đới Trung ương xác nhận bị cáo Nghiêm Thị T dương tính với HIV; nhưng vẫn sử dụng ma túy nên xác định có nhân thân không tốt.

[7] Từ những nhận định, phân tích nêu, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; mục đích tàng trữ ma túy chỉ để sử dụng; tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên chỉ áp dụng mức án phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và để bị cáo có thời gian yên tâm cải tạo, sớm trở lại với gia đình, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ kết quả xác minh ngày 10-12-2021 và xét hỏi tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập và tài sản riêng, nên không đảm bảo việc thi hành án. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành và các túi nilon không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại di động, 10.000.000 đồng và căn cước công dân đây là tài sản và giấy tờ của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

[10] Đối với người đàn ông tên H bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không biết lai lịch, địa chỉ của người này nên Cơ quan Điều tra không có căn cứ xác minh để xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Lạng Sơn về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các nội dung khác là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí; quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nghiêm Thị T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nghiêm Thị T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 01-12-2021.

3. Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy số lượng ma túy Methamphetamine (ma túy còn lại sau giám định) được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong; 01 (một) gói nilon màu đen kích thước 10cmx20cm; 50 (năm mươi) túi nilon màu trắng kích thước 05cmx09cm.

Trả lại cho bị cáo Nghiêm Thị T tài sản sau: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) được niêm phong trong phong bì thư; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đỏ, Imel 860146041165895, lắp 02 sim 0789.388.687 và 0349.672.074; 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu xanh đen, Imel 353117114975258 đen lắp 01 sim 0346.179.323 và 01 căn cước công dân mang tên Nghiêm Thị T.

*(Vật chứng trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn).*

4. Về án phí: Bị cáo Nghiêm Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THA dân sự thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Xuân Tĩnh**